

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 22 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ
vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/2/2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03/02/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030;

Xét Tờ trình số 437/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 78/BC-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh giai đoạn 2026-2030.

2. Các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 là căn cứ để các cấp ngân sách lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm giai đoạn 2026-2030 và là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, các xã, phường, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến xây dựng, lập, thẩm định, phân bổ, giao, triển khai, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030.

Điều 3. Nguyên tắc chung phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030

Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương thực hiện theo nguyên tắc chung quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 và Điều 5 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/2/2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03/02/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030, cụ thể:

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; phát huy vai trò đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân để thu hút, huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển; tăng cường phân cấp, phân quyền, rà soát cắt giảm tối đa thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho cấp địa phương, xóa bỏ quan liêu, bao cấp, xóa bỏ cơ chế “xin - cho”.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 của tỉnh, của các ngành, lĩnh vực, địa phương, kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, các quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ ngân sách địa phương trong kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030. Tăng cường huy động

các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

5. Phân bổ vốn tập trung, không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án phải bảo đảm theo quy định tại Điều 57 của Luật Đầu tư công.

6. Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành, phát huy hiệu quả các dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án có tính liên tỉnh, liên xã, các dự án quốc lộ, cao tốc, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, các chương trình, dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh. Ưu tiên bố trí vốn ngân sách địa phương cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định.

7. Phân bổ vốn hợp lý giữa các ngành, lĩnh vực, các xã, phường, đặc biệt vùng khó khăn góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh.

8. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

- a) Dự án đầu tư công đặc biệt, dự án đầu tư công khẩn cấp;
- b) Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia;
- c) Hoàn trả vốn ứng trước;
- d) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;
- đ) Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, bao gồm cả vốn đối ứng;
- e) Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; bồi thường, chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước hạn được cấp có thẩm quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án BT bằng tiền;
- f) Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong kỳ kế hoạch;
- g) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;
- h) Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (*vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030, vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2031 - 2035*);

i) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu có);

k) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

l) Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

m) Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

9. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương

Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và thuộc đối tượng đầu tư công quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công. Cụ thể:

1. Nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương

Trên cơ sở mức vốn bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao, phân cấp cho ngân sách cấp xã 20% tổng mức vốn, mức vốn còn lại phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định và các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

Nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương phân cấp cho ngân sách cấp xã thực hiện phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định và các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

2. Nguồn thu xổ số kiến thiết: Sử dụng toàn bộ nguồn thu chi cho đầu tư phát triển, ưu tiên bố trí cho các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế.

3. Nguồn thu tiền sử dụng đất: Thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh và các quy định về sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất.

Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh: Bố trí tối đa 10% hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và bố trí tối đa 10% thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Phần vốn còn lại phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định và các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp xã: Bố trí vốn cho chương trình, nhiệm vụ, dự án đúng quy định của pháp luật thuộc các ngành, lĩnh vực trên địa bàn xã, phường do cấp xã quyết định.

4. Nguồn bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

5. Đối với nguồn ngân sách địa phương khác (nếu có) để thực hiện dự án đầu tư công thì thực hiện phân bổ theo các quy định về sử dụng của từng nguồn vốn.

Điều 5. Tiêu chí và định mức phân bổ nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương cho các xã, phường

1. Vốn bổ sung cân đối ngân sách địa phương cho các xã, phường trên cơ sở tính điểm theo các tiêu chí sau:

- a) Tiêu chí về dân số.
- b) Tiêu chí về trình độ phát triển.
- c) Tiêu chí về diện tích.
- d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã có biên giới đất liền.
- e) Tiêu chí số thôn/bản đặc biệt khó khăn.
- f) Tiêu chí bổ sung: (1) Xã khu vực III; (2) Xã thuộc vùng đô thị trọng tâm: Vùng đô thị dọc QL6; vùng đô thị phía Đông Nam gần với khu du lịch quốc gia Mộc Châu; vùng đô thị gần với vùng lòng hồ và lưu vực sông Đà; vùng đô thị vùng cao biên giới; (3) Chiều dài biên giới quản lý.

Tổng số điểm của từng đơn vị cấp xã là tổng cộng điểm được xác định theo nhóm tiêu chí dân số, trình độ phát triển, diện tích, đơn vị hành chính cấp xã có biên giới đất liền, số thôn/bản đặc biệt khó khăn và tiêu chí bổ sung.

2. Xác định số điểm của từng tiêu chí

a) *Tiêu chí dân số: bao gồm dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số. Cách tính cụ thể như sau:*

(1) Điểm của tiêu chí dân số trung bình

Số dân	Điểm
Đến 10.000 người	10
Trên 10.000 người, cứ 5.000 người tăng thêm được cộng thêm	1

Dân số trung bình của các xã, phường để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 của Thống kê Sơn La công bố.

(2) Điểm tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số người dân tộc thiểu số	Điểm
Cứ 1.000 người dân tộc thiểu số	0,5

Số người dân tộc thiểu số của các xã, phường để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo cung cấp.

b) *Tiêu chí về trình độ phát triển: bao gồm 02 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết). Cách tính cụ thể như sau:*

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo đa chiều

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	Điểm
Đến 10% hộ nghèo đa chiều được tính	5
Trên 10% hộ nghèo đa chiều, cứ 01% hộ nghèo đa chiều được cộng thêm	0,3

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 của cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm số thu từ đất và xổ số kiến thiết)

Thu nội địa	Điểm
Đến 20 tỷ đồng được tính	7
Trên 20 tỷ đồng, cứ tăng thêm 5 tỷ đồng được cộng thêm	0,3

Số liệu thu nội địa để tính điểm được xác định căn cứ vào dự toán thu ngân sách năm 2026 do Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

c) *Tiêu chí về diện tích*

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 100 km ² được tính	7
Trên 100 km ² , cứ 10 km ² tăng thêm được cộng thêm	0,5

Diện tích đất tự nhiên để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 của Thống kê Sơn La công bố.

d) *Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã có biên giới đất liền*

Đơn vị hành chính cấp xã biên giới đất liền	Điểm
Mỗi xã được tính	5

Đơn vị hành chính cấp xã biên giới đất liền để tính điểm được xác định căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 299/2025/NĐ-CP.

đ) *Tiêu chí Số thôn/bản đặc biệt khó khăn*

Số thôn/bản đặc biệt khó khăn	Điểm
01 thôn/bản được tính	0,3

Số liệu thôn/bản đặc biệt khó khăn để tính điểm được xác định căn cứ vào Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III, giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La, Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29/01/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030.

e) Tiêu chí bổ sung

(1) 01 xã khu vực III cộng thêm 5 điểm.

Xã khu vực III để tính điểm xác định căn cứ vào Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III, giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La, Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29/01/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030.

(2) Xã thuộc vùng đô thị trọng tâm: Vùng đô thị dọc QL6, Vùng đô thị phía Đông Nam gần với khu du lịch quốc gia Mộc Châu, vùng đô thị gần với vùng lòng hồ và lưu vực sông Đà, vùng đô thị vùng cao biên giới, cộng thêm 5 điểm/xã.

Xã thuộc vùng đô thị trọng tâm được ưu tiên phát triển để tính điểm căn cứ vào Báo cáo số 999-BC/TU ngày 23/9/2025 trình tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhiệm kỳ 2025-2030.

(3) Tiêu chí chiều dài đường biên giới quản lý

Chiều dài biên giới quản lý	Điểm
Xã có số km đường biên giới từ 0 đến dưới 20 km	1
Xã có số km đường biên giới từ 20 km đến dưới 40 km	1,5
Xã có số km đường biên giới từ 40 km trở lên	2

Chiều dài đường biên giới để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 của Ủy ban biên giới Quốc gia công bố.

3. Phương pháp tính định mức vốn phân bổ

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng xã, phường và tổng số điểm của 75 xã, phường làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo công thức sau:

$$D_i = \frac{A}{B} \times C_i$$

Trong đó: A là tổng số vốn bổ sung trong cân đối phân cấp cho các xã, phường (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất); B là tổng điểm của xã, phường; C_i là tổng điểm của xã thứ i; D_i là số vốn bổ sung trong cân đối phân bổ cho xã, phường thứ i.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2026 và áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026-2030.
2. Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 2 thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Các Trung tâm: Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu trữ, việc làm, người có công tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, 150 b.

CHỦ TỊCH




Lò Minh Hùng